

Bản án số: 04/2024/DS-ST

Ngày: 15-3-2024

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phước Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Giáp.

Ông Nguyễn Thành Tâm.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Triệu Hoàng Ngọc là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Hoàng Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 108/2023/TLST-DS ngày 22 tháng 11 năm 2023, về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2024/QĐXXST-DS, ngày 31 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng N.

Địa chỉ: phường T, quận B, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của N: Ông Mã Hà Bửu N1 - Chức vụ: Trưởng Phòng Kế hoạch kinh doanh Ngân hàng N - Chi nhánh huyện C Sóc Trăng, văn bản ủy quyền ngày 15 tháng 3 năm 2024 (có mặt).

- **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1956; địa chỉ ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Đoàn Thị N2, sinh năm 1984 (vắng mặt).

2. Bà Đoàn Kiều O, sinh năm 1981 (vắng mặt).

3. Ông Đoàn Văn B, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện lập ngày 15 tháng 3 năm 2023 của nguyên đơn Ngân hàng N và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Do có nhu cầu vay vốn để trồng nhãn, sửa chữa nhà ở bà Nguyễn Thị Đ có ký với N - Chi nhánh huyện C, tỉnh Sóc Trăng hợp đồng tín dụng số: 7613LAV202001645 ngày 30/12/2020, hạn mức tín dụng (cho vay): 30.000.000 đồng, thời gian duy trì hạn mức cho vay 36 tháng kể từ ngày 30/12/2020 và báo cáo đề xuất giải ngân kèm giấy nhận nợ ngày 30/12/2020, số tiền bà Đ vay là 30.000.000 đồng, hạn trả ngày 30/12/2021, lãi suất trong hạn là 10,5%/năm, lãi suất quá hạn là 150%/ lãi suất trong hạn.

Tính đến ngày 15/3/2024, bà Nguyễn Thị Đ còn nợ Ngân hàng N (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) như sau: Số tiền vay vốn gốc 30.000.000 đồng; lãi trong hạn 10.105.890 đồng; lãi quá hạn 3.526.250 đồng. Tổng cộng nợ gốc và lãi: 43.632.140 đồng.

Theo đơn khởi kiện, Ngân hàng yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Đ và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thị N2, bà Đoàn Kiều O, ông Đoàn Văn B có nghĩa vụ trả tất nợ cho Ngân hàng. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thay đổi yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là chỉ yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ có trách nhiệm hoàn trả hết số nợ gốc và lãi phát sinh tại hợp đồng tín dụng trên cho Ngân hàng tính đến ngày 15/3/2024 như sau: Số tiền vay vốn gốc 30.000.000 đồng; lãi trong hạn 10.105.890 đồng; lãi quá hạn 3.526.250 đồng. Tổng cộng nợ gốc và lãi: 43.632.140 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng cho đến ngày trả tất nợ cho Ngân hàng.

Khi cho vay, Ngân hàng có nhận giữ (không có đăng ký thế chấp, giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật) bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 0477 QSDĐ/ do Ủy ban nhân dân huyện L (nay là huyện C), tỉnh Sóc Trăng cấp cho hộ bà Nguyễn Thị Đ vào ngày 04/6/1999. Khi bà Nguyễn Thị Đ trả tất nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng, thì Ngân hàng trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho bà Nguyễn Thị Đ.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Đ và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thị N2, bà Đoàn Kiều O, ông Đoàn Văn B: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý vụ án số 108/TB-TLVA ngày 22 tháng 11 năm 2023, tổng đạt hợp lệ cho bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, nhưng bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có văn bản trình bày ý

kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Tòa án đã tiến hành triệu tập họp lệ hai lần đối với bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do nên Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được và cũng không có lời khai của bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong hồ sơ vụ án.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Xét thấy, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là chỉ yêu cầu bị đơn trả toàn bộ số tiền nợ vay vốn gốc và lãi suất cho Ngân hàng và phải chịu lãi suất phát sinh theo hợp đồng sau ngày xét xử. Xét yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn số tiền nợ vay vốn gốc và lãi suất theo quy định của hợp đồng. Khi bị đơn trả tất nợ theo hợp đồng tín dụng cho Ngân hàng, buộc Ngân hàng trả lại cho bị đơn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 0477 QSDĐ/ do Ủy ban nhân dân huyện L (nay là huyện C), tỉnh Sóc Trăng cấp cho hộ bà Nguyễn Thị Đ vào ngày 04/6/1999 mà bị đơn đã giao cho Ngân hàng giữ. Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử nghị án và tuyên án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn và thẩm quyền giải quyết: Khi nộp đơn khởi kiện, Ngân hàng N căn cứ vào hợp đồng tín dụng số: 7613LAV202001645 ngày 30/12/2020, giữa bên cho vay là Ngân hàng N với bên vay bà Nguyễn Thị Đ; địa chỉ ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Ngân hàng có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng buộc bà Nguyễn Thị Đ phải trả cho Ngân hàng số tiền vay vốn gốc, lãi suất theo quy định của hợp đồng cho đến khi trả hết nợ. Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung đã thụ lý đơn khởi kiện và thông báo cho Ngân hàng nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của

pháp luật và Ngân hàng đã thực hiện việc nộp tiền tạm ứng án phí đúng quy định. Như vậy, Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng thụ lý đơn khởi kiện của Ngân hàng N là đúng thẩm quyền và đúng theo trình tự thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Theo nội dung đơn khởi kiện, nguyên đơn N yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Đ và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thị N2, bà Đoàn Kiều O, ông Đoàn Văn B có nghĩa vụ trả tất nợ cho Ngân hàng. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thay đổi yêu cầu khởi kiện là chỉ yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ có nghĩa vụ trả tất nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng nêu trong đơn khởi kiện. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, căn cứ vào khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[1.3] Bị đơn bà Nguyễn Thị Đ và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thị N2, bà Đoàn Kiều O, ông Đoàn Văn B đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai và vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng, không vì trở ngại khách quan nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt họ tại phiên tòa.

[2] Về nội dung:

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn Ngân hàng N yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Đ phải trả cho Ngân hàng số tiền vay vốn gốc và lãi suất tính đến ngày 15/3/2024 theo hợp đồng cấp tín dụng số: 7613LAV202001645 ngày 30/12/2020 và báo cáo đề xuất giải ngân kèm giấy nhận nợ ngày 30/12/2020 với số tiền vốn gốc còn nợ: 30.000.000 đồng; lãi trong hạn 10.105.890 đồng; lãi quá hạn 3.526.250 đồng. Tổng cộng nợ gốc và lãi: 43.632.140 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng cho đến ngày bà Nguyễn Thị Đ trả tất nợ cho Ngân hàng. Khi bà Nguyễn Thị Đ trả tất nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng, thì Ngân hàng trả lại cho bà Nguyễn Thị Đ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 0477 QSDĐ/ do Ủy ban nhân dân huyện L (nay là huyện C), tỉnh Sóc Trăng cấp cho hộ bà Nguyễn Thị Đ vào ngày 04/6/1999 do Ngân hàng đã nhận giữ của bà Nguyễn Thị Đ.

[4] Xét yêu cầu của Ngân hàng về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ trả tiền vay vốn gốc và lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[5] Theo hợp đồng cấp tín dụng số: 7613LAV202001645 ngày 30/12/2020 và báo cáo đề xuất giải ngân kèm giấy nhận nợ ngày 30/12/2020, bà Nguyễn Thị Đ có vay tiền của Ngân hàng với số tiền vốn gốc 30.000.000 đồng, hạn trả ngày 30/12/2021, lãi suất trong hạn là 10,5%, lãi suất quá hạn là 150%/ lãi suất trong hạn; mục đích vay: Trồng nhãn, sửa chữa nhà ở. Bà Nguyễn Thị Đ đã nhận đủ số tiền 30.000.000 đồng theo báo cáo đề xuất giải ngân kèm giấy nhận nợ ngày 30/12/2020.

Trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng vay, bà Nguyễn Thị Đ không có trả tiền vốn gốc hay tiền lãi suất cho Ngân hàng. Tính đến ngày 15/3/2024, bà Nguyễn Thị Đ còn nợ Ngân hàng số tiền vay vốn gốc 30.000.000 đồng; lãi trong hạn 10.105.890 đồng (1.171 ngày (từ ngày 30/12/2020 đến ngày 15/3/2024) x 10,5%/năm); lãi quá hạn 3.526.250 đồng (806 ngày (từ ngày 30/12/2020 đến ngày 15/3/2024) x 5,25%/năm). Tổng cộng nợ gốc và lãi: 43.632.140 đồng.

[6] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý vụ án số 108/TB-TLVA ngày 22 tháng 11 năm 2023, tổng đạt hợp lệ cho bị đơn bà Nguyễn Thị Đ và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thị N2, bà Đoàn Kiều O, ông Đoàn Văn B, nhưng bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có văn bản trình bày ý kiến hay có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự không phải chứng minh”. Như vậy, Hội đồng xét xử công nhận bị đơn còn nợ Ngân hàng N tính đến ngày 15/3/2024 với số tiền vay vốn gốc 30.000.000 đồng; lãi trong hạn 10.105.890 đồng; lãi quá hạn 3.526.250 đồng. Tổng cộng nợ gốc và lãi: 43.632.140 đồng là sự thật.

[7] Căn cứ theo khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng quy định “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”; theo khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng quy định “Trong trường hợp khách hàng không trả được nợ đến hạn, nếu các bên không có thỏa thuận khác thì tổ chức tín dụng có quyền xử lý nợ, tài sản bảo đảm tiền vay theo hợp đồng cấp tín dụng, hợp đồng bảo đảm và quy định của pháp luật”. Do bà Nguyễn Thị Đ không trả được nợ đến hạn nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ trả tiền vay vốn gốc và lãi suất là có căn cứ. Hội đồng xét xử xét thấy tính chất, các tình tiết, sự kiện pháp lý trong vụ án này không tương tự như các tình tiết, sự kiện pháp lý trong án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm nên Hội đồng xét xử không áp dụng án lệ để giải quyết vụ án.

[8] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Đ phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền vay vốn gốc 30.000.000 đồng; lãi trong hạn 10.105.890 đồng; lãi quá hạn 3.526.250 đồng. Tổng cộng nợ gốc và lãi: 43.632.140 đồng.

[9] Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (từ ngày 16/3/2024) bị đơn bà Nguyễn Thị Đ còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi trong hạn (nếu có), lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong

hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng N thì lãi suất mà bà Đ phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng N theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng N.

[10] Khi cho vay, Ngân hàng có nhận giữ (không có đăng ký thế chấp, giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật) bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 0477 QSDĐ/ do Ủy ban nhân dân huyện L (nay là huyện C), tỉnh Sóc Trăng cấp cho hộ bà Nguyễn Thị Đ vào ngày 04/6/1999. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng trình bày, khi bà Nguyễn Thị Đ trả tất nợ cho Ngân hàng, thì Ngân hàng trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho bà Nguyễn Thị Đ. Hội đồng xét xử xét thấy, để giải quyết dứt điểm vụ án, thì khi bà Nguyễn Thị Đ trả tất nợ theo hợp đồng vay cho Ngân hàng, thì Ngân hàng trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 0477 QSDĐ/ nêu trên cho bà Nguyễn Thị Đ là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Về án phí sơ thẩm:

[12.1] Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên bị đơn bà Nguyễn Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền 2.181.607 đồng (hai triệu một trăm tám mươi một nghìn sáu trăm linh bảy đồng).

[12.2] Nguyên đơn Ngân hàng N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp 971.000 đồng (chín trăm bảy mươi một nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000022 ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 92; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 2 Điều 91 và khoản 2 Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng;

- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N về yêu cầu trả số tiền vay vốn gốc, lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Đ.

2. Xử buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Đ phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng N số tiền vay vốn gốc 30.000.000 đồng; lãi trong hạn 10.105.890 đồng; lãi quá hạn 3.526.250 đồng. Tổng cộng nợ gốc và lãi: 43.632.140 đồng (bốn mươi ba triệu sáu trăm ba mươi hai nghìn một trăm bốn mươi đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (từ ngày 16/3/2024) bị đơn bà Nguyễn Thị Đ còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi trong hạn (nếu có), lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng N thì lãi suất mà bà Nguyễn Thị Đ phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng N theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng N.

3. Khi bà Nguyễn Thị Đ thực hiện hoàn tất việc trả nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng (tất toán hợp đồng), thì Ngân hàng phải có nghĩa vụ giao trả lại cho bà Nguyễn Thị Đ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 0477 QSDĐ/ do Ủy ban nhân dân huyện L (nay là huyện C), tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 04/6/1999.

4. Về án phí:

4.1. Bị đơn bà Nguyễn Thị Đ phải chịu 2.181.607 đồng (hai triệu một trăm tám mươi một nghìn sáu trăm linh bảy đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

4.2. Nguyên đơn Ngân hàng N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp 971.000 đồng (chín trăm bảy mươi một nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000022 ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

5. Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- TAND tỉnh Sóc Trăng
(P.KTNV & THA);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Đặng Phước Tuấn